CƠ SỞ KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN TỔ YẾN

NGỌC MINH

HỒ SƠ
TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

(Số: 01/ Ngọc Minh/ 2020)

- Tự công bố sản phẩm: **Tổ yến sơ chế sấy khô.**
- Chủ cơ sở: PHẠM THỊ MY.
- Điện thoại: 0987.980.059 - 0982.980.059
- Địa chỉ: Số 50, Ấp 12, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Vĩnh Hậu A, tháng 7/2020

SỞ NN & PTNT BẠC LIÊU
CHI CỤC QLCL NLS & TS

Số: 44

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 03 *tháng* 8 *năm* 2020

BIÊN NHẬN
Hồ sơ Tự công bố sản phẩm

Tôi tên Dương Thị Ngọc Hạnh - Cán bộ Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Bạc Liêu.

Có nhận hồ sơ Tự công bố sản phẩm của: Cơ sở Ngọc Minh

Thành phần hồ sơ gồm:

1. Bản Tự công bố sản phẩm số 01 | Ngọc Minh | 2020 ngày 03 / 8 / 2020

2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm (kết quả thử nghiệm/kết quả phân tích) ngày 04 / 6 / 2020 (02 phiếu).

Sản phẩm Tự công bố:

Tổ yến sơ chế sấy khô

Tổ chức, cá nhân tự chịu trách nhiệm về nội dung Tự công bố sản phẩm đã gửi cho đơn vị./.

NGƯỜI GIAO	NGƯỜI NHẬN
Phạm Thị Mỹ	Dương Thị Ngọc Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/ NGỌC MINH/ 2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân Tự công bố sản phẩm

- Tên tổ chức, cá nhân: NGỌC MINH (Chủ cơ sở: Phạm Thị My).
- Địa chỉ: số 50, Ấp 12, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.
- Điện thoại: 0987.980.059
- Mã số doanh nghiệp: 60G8001621 cấp ngày 15/04/2011 của Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Hòa Bình.
- Số Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện ATTP: 02/2020/NNPTNT-BL. Ngày cấp/Nơi cấp: ngày 03/01/2020 của Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Bạc Liêu.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Tổ yến sơ chế sấy khô.
2. Thành phần: Tổ yến.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: bao gói kín; chất liệu bọc PE, hộp nhựa.
- Khối lượng tịnh: 20g/hôp; 50g/hộp; 100g/hộp.

5. Tên và địa chỉ Cơ sở sản xuất sản phẩm *(trường hợp thuê cơ sở sản xuất)*:

Sản phẩm tổ yến sơ chế sấy khô do cơ sở Ngọc Minh tự sản xuất tại cơ sở, ấp 12, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Cơ sở không có thuê đơn vị khác sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

Dự kiến Mẫu nhãn sản phẩm Tổ yến sơ chế sấy khô của Cơ sở như sau:

CƠ SỞ KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN TỔ YẾN

NGỌC MINH

Địa chỉ: Số 50, ấp 12, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại: 0987.980.059

Tên sản phẩm: Tổ yến sơ chế sấy khô.
Thành phần: Tổ yến nguyên chất.
Cách bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát.
Hướng dẫn sử dụng: Xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp
Giấy chứng nhận kinh doanh số: 60G8001621
Giấy chứng nhận ATTP số: 02/2020/NNPTNT-BL.
Tự công bố sản phẩm số: 01/NGỌC MINH/ 2020.

NSX: ……. HSD: 36 tháng. *Khối lượng tịnh: ……g/hộp.*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm Tổ yến sơ chế sấy khô đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Nghị định số 13/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi.

- Cơ sở Ngọc Minh tự công bố sản phẩm Tổ yến sơ chế sấy khô đạt các chỉ tiêu có liên quan về an toàn thực phẩm như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tự công bố sản phẩm
1	Màu sắc	Trắng ngà
2	Mùi	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
3	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ
4	Tạp chất	Không có
5	Protein	≥ 40%
6	H_5N_1	Không có
7	Nitrite	≤ 30 mg/kg

8	SO_2	Không có
9	Asen (As)	< 1 mg/kg
10	Cadimi (Cd)	< 1 mg/kg
11	Chì (Pb)	< 2 mg/kg
12	Thủy ngân (Hg)	< 0,05 mg/kg
13	Antimon (Sb)	< 1 mg/kg
14	Arginine	≥ 46%
15	Proline	≥ 46%
16	Độ ẩm	< 15%
17	Salmonella spp	0/25g
18	Hydrogen peroxide	< 1 mg/kg

(*Hồ sơ Tự công bố sản phẩm có kèm theo Kết quả phân tích Tổ yến sơ chế sấy khô của Cơ sở).*

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Vĩnh Hậu A, ngày 03 tháng 8 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

PHẠM THỊ MY

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4852.20;4912.20**	Report date/ *Ngày*: **04-06-2020**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01	Page/ *Trang*: **1/ 3**

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CƠ SỞ NGỌC MINH
Address (*Địa chỉ*) : Số 50, ấp 12, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu
Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Tổ yến sơ chế sấy khô
Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt
Seal No (*Số niêm*) : Không niêm
Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu
Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 29-05-2020
Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 30-05-2020

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*
4852.20 /1	Tổ yến sơ chế sấy khô	Màu sắc	MKL-HH 223 Ref.TCVN 3215:1979	-	-	Trắng ngà
		Mùi	MKL-HH 223 Ref.TCVN 3215:1979	-	-	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
		Vị	MKL-HH 223 Ref.TCVN 3215:1979	-	-	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ
		Tạp chất	FAO FNP 5/Rev.1 p.25 1983	%	0.004	ND
		Protein (**)	M.K.Lab 38	%	-	59.80
		H5N1 (*)	TCVN 8400-26:2014 (TYV7-HDTH-03)	Định tính	-	ND
		Nitrit	TCVN 7992:2009	mg/kg	2.00	7.48
		SO_2	TCVN 9519-1:2012	mg/kg	10.00	ND
		Asen (As) (**)	AOAC 986.15	mg/kg	0.01	ND
		Cadimi (Cd) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
		Chì (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	ND
		Thủy ngân (Hg) (**)	AOAC 971.21	mg/kg	0.01	ND
		Antimon (Sb)	Ref. AOAC 2013.06	mg/kg	0.049	ND
		Nhóm Acid amin	Xem PHỤ LỤC: 4852.20/1	%	-	Xem PHỤ LỤC: 4852.20/1
4912.20 /1	Tổ yến sơ chế sấy khô	Độ ẩm (**)	M.K.Lab 36	%	-	13.34
		Salmonella spp. (**)	ISO 6579-1:2017	Định tính/25g	-	ND
		Hydrogen peroxide (*)	TN.0097	mg/kg	1.00	ND

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4852.20;4912.20**	Report date/ *Ngày*: **04-06-2020**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01	Page/ *Trang*: **2/ 3**

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO-QSCert
Đại diện NHO-QSCert

M.S.D.N: 1801287028 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO - Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4852.20;4912.20**	Report date/ *Ngày*: **04-06-2020**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01	Page/ *Trang*: **3/ 3**

PHỤ LỤC: 4852.20/1

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*
4852.20/ 1	**Hàm lượng Acid amin tổng**					
	Tổ yến sơ chế sấy khô	Arginine		%	0.232	68.17
		Proline		%	0.153	56.49